

2026
3
March

LIFE IN FUKUOKA! PAMPHLET

Hello!



Tiếng Việt ver.
ベトナム語版

THEME 1

Sinh sống một cách thoải mái tại thành phố Fukuoka 福岡市で快適に暮らすために

1 Tìm kiếm thông tin về cuộc sống 生活情報をさがす

Thông tin về các sự kiện và đời sống sinh hoạt 生活・イベント情報



LOVE FM



Chương trình radio phát sóng bằng tiếng nước ngoài
Tần số: 76.1MHz

外国語でも放送しているラジオ局 周波数76.1MHz

https://lovefm.co.jp/life_vi/programs/more

RADIO PROGRAM Life in Fukuoka

LOVE FM là chương trình đang phát sóng giới thiệu các thông tin về cuộc sống và thông tin về các chỗ đi chơi, v.v. Các bạn có thể nghe bất cứ lúc nào bằng Podcast.

福岡市で生活する上で必要な基礎情報やお出かけ情報などを英語、中国語、韓国語、ネパール語、ベトナム語で紹介する番組です。

Ngày giờ phát sóng : (Thứ Hai) Tiếng Anh, (Thứ Ba) Tiếng Trung, (Thứ Tư) Tiếng Hàn, (Thứ Năm) Tiếng Nepal, (Thứ Sáu) Tiếng Việt 8:54~ Các bạn có thể nghe các buổi phát thanh bất cứ lúc nào bằng Podcast

放送日時 8:54~ (月)英語(火)中国語(水)韓国語(木)ネパール語(金)ベトナム語 ポッドキャストでいつでも聞くことができます。

Thông tin hành chính từ thành phố Fukuoka 行政情報



福岡市
FUKUOKA CITY

Fukuoka City Website
Multilingual Portal
福岡市ホームページ
多言語ポータルページ



<https://www.city.fukuoka.lg.jp/vietnam/index.html>



Global Community Fukuoka
福岡市公式Facebook



<https://www.facebook.com/profile.php?id=100072309521929#>

Thành phố Fukuoka cung cấp nhiều thông tin dành cho cư dân nước ngoài.

- ◎Thông tin về các sáng kiến và hỗ trợ hữu ích cho cư dân nước ngoài
- ◎Thông tin về các sự kiện quốc tế
- ◎Thông tin mới khi xảy ra thiên tai như động đất hoặc bão, v.v.

福岡市から、外国人住民に向けていろいろな情報を出しています。
◎外国人住民に役立つ取組みやサポートの情報 ◎国際的なイベントの情報
◎地震や台風など、災害が起きたときの新しい情報

2 Xác nhận các thủ tục hành chính ở thành phố Fukuoka

福岡市の行政手続きを確認する

Hỗ trợ 23 ngôn ngữ
言語対応

Hãy gọi điện thoại khi bạn muốn xác nhận các thông tin như về bảo hiểm y tế quốc dân, hay việc đổ rác, v.v.

国民健康保険やごみのことなどを相談したいとき

092-753-6113

Sau khi đã được tiếp nhận tại trung tâm phiên dịch, bạn sẽ được nối máy tới Ủy ban hành chính Quận. Hãy nói địa chỉ của bạn và nội dung muốn trao đổi.

通訳センターで受付後、区役所の代表につながります。
あなたの住所と相談内容を伝えてください。



Thông báo quan trọng từ Cảnh sát tỉnh Fukuoka
福岡県警察からの大切なお知らせ
<https://www.police.pref.fukuoka.jp/boutai/kokusai/crimepreventionmanga.html>



Đăng ký cư trú và Phiếu cư trú là gì?
住民登録・住民票とは
<https://www.city.fukuoka.lg.jp/soki/kokusai/vietnam/jumintourouku.html>



Thông báo chuyển đến
(Khi chuyển từ thành phố / quận / nước khác đến)
転入届
<https://www.city.fukuoka.lg.jp/soki/kokusai/vietnam/tennyu.html>



Thông báo chuyển đi (khi chuyển địa chỉ ra khỏi thành phố Fukuoka tới thành phố, quận, huyện khác, hay ra nước ngoài)
転出届
<https://www.city.fukuoka.lg.jp/soki/kokusai/vietnam/tenshutu.html>



Về cách làm đơn xin và nhận thẻ mã số cá nhân
マイナンバーカードの申請・受取方法について
<https://www.city.fukuoka.lg.jp/soki/kokusai/vietnam/mynumber.html>



Cách đi đến Ủy ban hành chính Quận
区役所への行き方
https://www.city.fukuoka.lg.jp/shicho/koho/shisei/access_ej.html



Quầy tư vấn và thông tin liên hệ của thành phố Fukuoka
福岡市の相談窓口・問い合わせ先
https://www.city.fukuoka.lg.jp/soki/kokusai/shisei/seikatugaidansu/enquire_to_fukuoka_city_hall.html

Supported by 福岡市 FUKUOKA CITY





3 Trao đổi các vấn đề chưa hiểu わからないことを相談する

Trung tâm hỗ trợ tư vấn tổng hợp cho người nước ngoài thành phố Fukuoka 福岡市外国人総合相談支援センター

Chúng tôi sẽ đáp ứng nhu cầu "muốn biết" và "muốn tư vấn" của cư dân nước ngoài. 外国人住民の「知りたい」、「相談したい」にお応えします。

Các vấn đề liên quan đến cuộc sống như thủ tục cư trú, việc làm, y tế, phúc lợi, sinh con, nuôi dạy con cái và giáo dục trẻ em sẽ được tư vấn trực tiếp, qua điện thoại hoặc trang web. Chúng tôi sẽ cung cấp thông tin và hướng dẫn đến các cơ quan liên quan.

在留手続、雇用、医療、福祉、出産・子育て・子どもの教育等の生活に係る様々な相談を対面又は電話やウェブで受け付け、情報提供及び関係機関への案内を行います。

Trung tâm Tư vấn và Hỗ trợ Tổng hợp cho Cư dân Nước ngoài Thành phố Fukuoka được đặt tại Quý Giao lưu Quốc tế Yoka Topia Fukuoka.

福岡市外国人総合相談支援センターは、福岡よかトピア国際交流財団に設置されています。

Là đoàn thể đang hỗ trợ người nước ngoài cùng với thành phố Fukuoka

福岡よかトピア国際交流財団は、福岡市とともに、外国人を支援している団体です。

24 ngôn ngữ Hỗ trợ 言語対応

0120-66-1799 Miễn phí Cũng có thể gọi đến số 092-262-1799 (Tốn phí).

Tầng 1 Hội quán quốc tế thành phố Fukuoka (4-1 Tenyamachi, Hakata-ku, Fukuoka)

Giờ làm việc: Thứ Hai - Thứ Sáu, 9:00 - 18:00 (Tiếp nhận đến 17:30) 福岡市博多区店屋町4-1 福岡市国際会館1階 平日9:00~18:00 (受付は17:30まで)

Supported by 公益財団法人 福岡よかトピア国際交流財団 Fukuoka City International Foundation

Có thể trao đổi cả qua biểu mẫu liên hệ và cuộc gọi LINE.



https://www.fcif.or.jp.translate.google/contact/?x_tr_sl=ja&x_tr_tl=vi&x_tr_nl=ja

問い合わせフォーム、LINEコールでも相談できます。



<https://lin.ee/x6f9e9M>

Có tư vấn pháp luật bởi chuyên gia *Chế độ đặt hẹn



専門家による法律相談などを行っています。※予約制

https://www.fcif.or.jp.translate.google/consultation/life-interaction/?x_tr_sl=ja&x_tr_tl=vi&x_tr_nl=ja

Chương trình gia sư チュータープログラム

Gia sư là tình nguyện viên hỗ trợ bạn trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày. Những điều bạn chưa biết trong khi sinh sống tại Nhật sẽ được chúng tôi hỗ trợ bằng tiếng Nhật và tiếng mẹ đẻ.

チューターはあなたの日常生活を支援するボランティアです。日本の生活で分からないことを日本語と外国語を使ってサポートします。

Bạn có thể trao đổi thoải mái với Gia sư bằng e-mail hoặc mạng xã hội

メールやSNSで気軽に話してみよう!

Đối tượng 対象者	Tất cả những người nước ngoài sống tại thành phố Fukuoka đều có thể đăng ký 福岡市に住んでいる外国人ならだれでも申込みできます。
Nội dung hỗ trợ サポート内容	Biên phiên dịch đơn giản các thư và văn kiện Trao đổi những vướng mắc trong cuộc sống, sinh hoạt hàng ngày 手紙などの簡単な翻訳や通訳、日常生活での困りごとの相談
Ngôn ngữ 対象者	Xin cho biết ngôn ngữ mẹ đẻ và ngôn ngữ bạn có thể giao tiếp được. 母国語と話せる言葉を教えてください。
Chi phí 利用料	Miễn phí 無料
Giới thiệu gia sư チューターの紹介	Giới thiệu về bản thân online. Từ ngày đăng ký cho tới ngày gặp mặt online sẽ mất khoảng 1 tuần. オンラインで自己紹介をします。オンラインで会う日を決めるため、申込からオンライン対面まで1週間くらいかかります。

Liên hệ お問い合わせ



Tổ chức Giao lưu quốc tế Fukuoka Yokatopia Tầng 1 Hội quán quốc tế thành phố Fukuoka (4-1 Tenyamachi, Hakata-ku, Fukuoka) 福岡市博多区店屋町4-1 福岡市国際会館1階

E-mail : tutor@fcif.or.jp
TEL : 092-262-1744
Time : Thứ Hai - Thứ Sáu, 9:00 - 18:00 (Tiếp nhận đến 17:30)
平日9:00~18:00 (受付は17:30まで)

Cách đăng kí 申込方法



Đăng ký tại đây 申込はこちら

https://www.fcif.or.jp.translate.google/volunteer-bank/tutorprogram/?x_tr_sl=ja&x_tr_tl=vi&x_tr_nl=ja

THEME 2

Tuân thủ các quy định sinh hoạt #1 生活ルールを守る

1 Cách đổ rác ごみの出し方

Nghiêm cấm vứt rác bừa bãi ごみのポイ捨ては禁止

Hãy bỏ vào thùng rác
ごみ箱に捨てましょう。



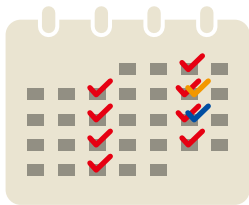
Hãy bỏ rác vào túi rác đúng quy định 正しいごみ袋に入れてください

Hãy mua túi rác chỉ định
của thành phố Fukuoka
bán tại siêu thị hoặc cửa hàng tiện lợi,
phân loại rác để đổ.

スーパーやコンビニで売っている
福岡市指定のごみ袋を買って、
分別して出してください。

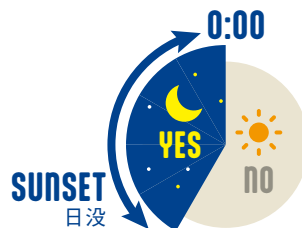


Các chú ý khi đổ rác 出すときの注意



Ngày đổ rác được quy định tại nơi bạn đang sống

住んでいる場所ですす日が違います。



Hãy đổ rác trong khoảng từ lúc xế chiều cho tới 0:00

日没から0:00の間にごみを出しましょう。



Có quy định về nơi đổ rác

出す場所は決まっています。

Giới thiệu về cách đổ rác của thành phố Fukuoka 福岡市のごみの出し方を紹介しています

Hãy đọc mã QR và kiểm tra các quy định đổ rác
QRコードを読み込んでごみ出しルールを確認しましょう。



QR Translator

日本語 English 中文(简体)
한국어 中文(繁体) Tiếng Việt
ภาษาไทย ภาษาไทย Tagalog
Bahasa Indonesia

Hỗ trợ 10 ngôn ngữ
言語対応

Phương pháp phân loại rác thải gia đình 家庭ごみの分別方法

Các bạn có thể tải tài liệu giới thiệu
về cách thải bỏ rác thải gia đình,
cách phân loại rác và bỏ rác tài nguyên để tái chế
qua mã QR.

家庭ごみを出す方法、ごみを分ける方法、
資源物をリサイクルに出す方法などについて紹介する資料は、
QRコードからダウンロードできます。

Hỗ trợ 3 ngôn ngữ
言語対応

Ngôn ngữ hỗ trợ: Tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Hàn
対応している言語: 英語、中国語、韓国語



<https://www.city.fukuoka.lg.jp/kankyo/jigyokeigomi/life/katei-bunbetsu/gomi-download.html>

RULES



2

Quy tắc ứng xử tại nhà ga và trên tàu điện

駅や電車でのマナー



Trên thang cuốn, đừng rời tay khỏi vali hoặc túi xách

エスカレーターでは、スーツケースやかばんから手を離さないでください



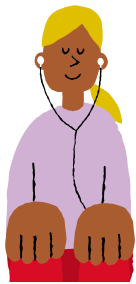
Đừng để hành lý của bạn làm phiền người xung quanh.

手荷物は周りの方に配慮してください。



Hãy đứng xa khu vực gần cửa để nhường đường cho hành khách xuống tàu.

降りる方のため、扉付近は広く開けてください。



Hãy giữ im lặng khi ở trên tàu điện.

電車の中では静かにしてください。



Hãy nhường chỗ và không gian cho người khuyết tật, người cao tuổi, phụ nữ mang thai, người đang giữ xe đẩy trẻ em và người sử dụng xe lăn.

からだが不自由な人、年をとった人、赤ちゃんがいる人、ベビーカーの人、車いすの人に、席やスペースをゆずってください。



Không ăn uống trong nhà ga và tàu điện.

駅や電車の中では食べたり飲んだりしないでください。

3

Quy tắc hút thuốc tại thành phố Fukuoka

福岡市の喫煙ルール

Không hút thuốc khi đang đi bộ hay đạp xe. Nhất là không được hút thuốc trên đường phố tại khu vực Tenjin và Daimyo, cũng như khu vực ga Hakata. Sau khi hút thuốc ngoài trời, đừng vứt tàn thuốc xuống đất mà hãy bỏ vào gạt tàn hoặc hộp đựng.

歩いているときや自転車に乗っているとき、タバコを吸わないでください。特に天神・大名地区と博多駅地区では、道路上で喫煙してはいけません。外でタバコを吸ったあとは、地面に捨てずに灰皿や容器に捨てましょう。



https://www.city.fukuoka.lg.jp/shimin/jigyochosei/shisei/rojoukinrentiku_2.html



THEME 2

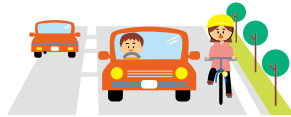
Tuân thủ các quy định sinh hoạt #2 生活ルールを守る

4 Cách đi xe đạp 自転車の乗り方

Nơi được phép đi xe đạp 走行する場所

Nguyên tắc đi phía bên trái
đường dành cho ô tô

原則として、車道の左側を走行しましょう。



Khi đi xe đạp vào ban đêm 夜間に走行するとき

Hãy mở đèn vào ban đêm.

夜間はライトを点灯してください。



Nơi cần chú ý khi đi xe đạp 注意して走行する場所

Via hè được ưu tiên cho người đi bộ.

Nếu có thể đi trên vỉa hè,

khi đi qua người đi bộ,

hãy đi chậm ở phía làn xe.

歩道は歩行者が優先です。もし歩道を走行できる場合、
通るときは車道側をゆっくりと走行してください。



Khi đi xe đạp 自転車に乗るとき

Khi đi xe đạp, hãy đội mũ bảo hiểm.

自転車に乗るときは
ヘルメットを着用してください。



Nơi đỗ xe đạp 自転車をとめる場所

Hãy sắp xếp và để vào khu vực để xe đạp
駐輪スペースに整理してとめましょう。

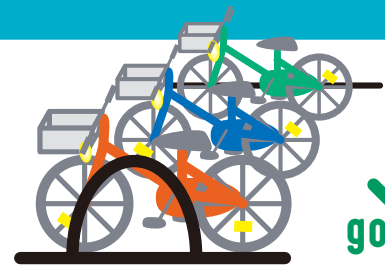


Sơ đồ vị trí bãi đỗ xe đạp
※ Chỉ có tiếng Nhật

駐輪場マップ

<https://chari-angels.com/map/>

Biển báo
khu vực cấm đỗ xe đạp
trái phép
放置禁止エリア
標識



Nếu để xe đạp trên đường, xe sẽ bị dọn đi.)

自転車を道路に放置した場合は撤去されます

Xe đạp đỗ trên đường không phải là bãi đỗ xe đạp
sẽ bị coi là "xe đạp đỗ trái phép" và bị di dời.

Khi trả lại xe đạp,

chúng tôi sẽ thu phí di dời và cất giữ
là 2.500 Yên.

駐輪場ではない道などにとめた自転車は「放置自転車」
として撤去します。撤去した自転車を引き取るときは
移動保管料として2,500円を払う必要があります。

Xe đạp bị di dời

có thể được trả lại từ địa điểm này

撤去された自転車はこの場所から引き取れます。



Tìm hiểu thêm về xe đạp bị di dời

撤去された自転車についてもっと詳しく

Địa điểm di dời xe 撤去された場所	Nơi lưu giữ xe đạp 自転車保管所	Địa chỉ 住所	Số điện thoại 電話番号
Quận Higashi 東区	Kaizuka 貝塚	7-7 Kaizuka Quận Higashi 東区貝塚7-7	092-633-3050
Quận Hakata 博多区	Enokida 榎田	3-11-14 Higashihie Quận Hakata 博多区東比恵3-11-14	092-411-1706
Quận Chuo 中央区	Nanotsu 那の津	3-7 Nanotsu Quận Chuo 中央区那の津3-7	092-781-6542
Quận Minami 南区	Hirao 平尾	2-18 Ogusu Quận Minami 南区大楠2-18	092-524-0415
Quận Jonan 城南区	Nishijin 西新	14 Sohara Quận Sawara 早良区祖原14	092-851-6878
Quận Nishi 西区	Meinohama 姪浜	4-26-3 Odo Quận Nishi 西区小戸4-26-3	092-881-8848



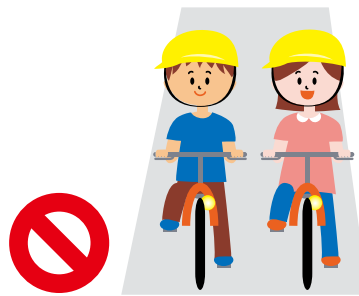
Các hành vi đi xe đạp không được phép してはいけない乗り方



Đạp xe sau khi đã uống rượu bia
飲酒運転



Sử dụng điện thoại di động
携帯電話使用



Đi dàn hàng ngang
並んで走る



Vừa che ô vừa đi
傘さし



Sử dụng tai nghe
ヘッドフォン使用



Đèo nhau
二人乗り

Về việc mua bảo hiểm 保険の加入について

Cũng có trường hợp xảy ra tai nạn với người đi bộ và phải bồi thường một khoản lớn.

Theo quy định của thành phố Fukuoka, việc mua bảo hiểm trách nhiệm xe đạp là bắt buộc. Hãy kiểm tra lại các lưu ý khi lái xe.

歩行者との事故を起こし、多額の賠償が発生するケースもあります。福岡市の条例で、自転車損害賠償保険等への加入が義務づけられています。運転時の注意事項を改めて確認しましょう。



Về luật giao thông cho xe đạp
自転車の交通ルールについて

<https://www.city.fukuoka.lg.jp/shimin/seikatsuanzen/shisei/jitensya-kotsurule.html>

THEME 3

Nộp thuế 税金を払う

1 Các loại thuế 税金の種類

Thuế thị dân (Tiền thuế của thành phố Fukuoka và tỉnh Fukuoka) 市県民税(福岡市・福岡県の税金)

Những người đang sống tại thành phố Fukuoka từ ngày 1 tháng 1 sẽ đóng tiền thuế dựa theo thu nhập của năm trước 1月1日に福岡市に住んでいる人が、前の年の収入によって、税金を払います。

! Những người có thu nhập của năm trước vượt quá 1.1 triệu yên, có thể sẽ phải đóng thuế thị dân đấy

前の年の収入が110万円をこえる人は、市県民税を払う可能性があります。

Thuế xe cộ hạng nhẹ (Tiền thuế của thành phố Fukuoka) 軽自動車税(福岡市の税金)

Những người có xe máy và xe ô tô hạng nhẹ sẽ đóng thuế vào ngày 1 tháng 4 4月1日にバイクや軽自動車を持っている人が税金を払います。

! Khi cho người khác, hay khi vứt bỏ, thì cần phải làm thủ tục đấy. Hãy gọi điện nhé

バイクや軽自動車を人にあげたり、捨てたりするときは手続きが必要です。必ず電話してください。

Thuế thu nhập (tiền thuế của quốc gia) ※所得税(国の税金)

Công ty sẽ khấu trừ tiền thuế thu nhập từ lương của chính bạn, và sẽ thay bạn để nộp 会社が本人の給与から所得税を差し引いて、本人に代わって払います。



2 Nộp thuế 税金を払う

Phương pháp nộp thuế 納付方法

Khi nhận được thông báo nộp thuế, hãy nộp qua hình thức chuyển khoản ngân hàng hoặc tại cửa hàng tiện lợi. Có thể trả qua điện thoại thông minh hoặc bằng thẻ tín dụng.

納税通知書が届いたら、コンビニや銀行で払ってください。スマホ決済アプリやクレジットカードでも払えます。

Nếu muốn thanh toán qua chuyển khoản ngân hàng, bạn cần đăng ký trước.

Hãy đăng ký qua Internet hoặc tại quầy giao dịch của ngân hàng.

口座振替を希望する場合は、事前にお申込が必要です。インターネットや金融機関窓口で申し込んでください。

Thời điểm phiếu được gửi tới

◎Thuế thị dân là khoảng ngày 15 tháng 6

◎Thuế xe cộ hạng nhẹ là khoảng ngày 15 tháng 5

(届く時期)◎市県民税は6月15日ごろ

◎軽自動車税は5月15日ごろ



*sample

23 ngôn ngữ
Hỗ trợ 言語対応

Thắc mắc gửi tới ủy ban hành chính thành phố Fukuoka
(dành cho người nước ngoài)
福岡市役所への問い合わせ(外国人用)

092-753-6113

Sau khi đã được tiếp nhận tại trung tâm phiên dịch, bạn sẽ được nối máy tới Ủy ban hành chính Quận. Hãy nói địa chỉ của bạn và nội dung muốn trao đổi.

通訳センターで受付後、区役所の代表につながります。あなたの住所と税金の問い合わせであることを伝えてください。

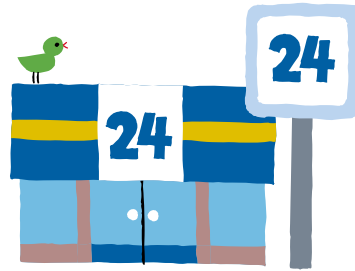
3 Cách lấy giấy chứng nhận thuế 税金の証明書の取得方法



Đăng ký trực tuyến

(*Cần thẻ mã số cá nhân)

オンラインで申請する
※マイナンバーカードが必要



Đăng ký tại cửa hàng tiện lợi

(*Cần thẻ mã số cá nhân)

コンビニエンスストアで申請する
※マイナンバーカードが必要



Đăng ký qua đường bưu điện

郵送で申請する



Đăng ký tại quầy giao dịch

窓口で申請する

Với những bạn sẽ gia hạn tư cách lưu trú

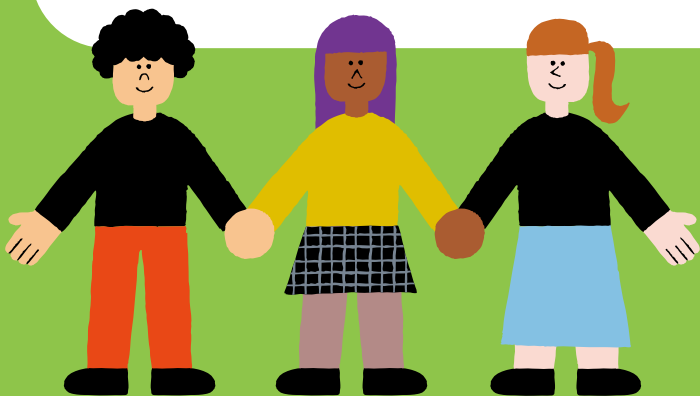
在留資格を更新される皆さんへ

Bạn có thể cần nộp "Giấy chứng nhận đánh thuế (hoặc không đánh thuế) thuế cá nhân cư dân thành phố/tỉnh" (*1) hoặc "Giấy chứng nhận đã nộp thuế" (*2) cho Cục Quản lý Xuất nhập cảnh và Cư trú để gia hạn tư cách lưu trú.

在留資格の更新のため、出入国在留管理局に「個人市県民税課税 (または非課税) 証明書 ※1」や「納税証明書 ※2」をだすことがあります。

*1: "Giấy chứng nhận đánh thuế cá nhân cư dân thành phố/tỉnh" cho biết "số tiền thuế là bao nhiêu".
※1 「個人市県民税の課税証明書」は、「税金の金額がいくらか」がわかるものです。

*2: "Giấy chứng nhận đã nộp thuế cá nhân cư dân thành phố/tỉnh" cho biết "bạn đã nộp thuế chưa".
※2 「個人市県民税の納税証明書」は、「税金を払っているか」がわかるものです。



Tiền thuế được sử dụng vì cuộc sống của mọi người (xây dựng thành phố và đối ứng đa ngôn ngữ, v.v.)

税金は、みなさんの生活のため(まちづくりや多言語対応など)に使われています。



Chúng tôi sẽ giải thích về hệ thống thuế.

税金の仕組みを説明しています。

<https://www.city.fukuoka.lg.jp/soki/kokusai/vietnam/citytax.html>

Chú ý
注意!!

**Nếu không nộp tiền thuế,
thì sẽ bị bất lợi khi gia hạn tư cách lưu trú
và có thể sẽ bị tịch thu tài sản**

税金を払わないと、在留資格更新の時に、不利となることや、財産の差押さえを受ける可能性があります。

Nộp thuế 税金を払う

THEME 4

Về việc nuôi dạy con cái 子育てについて



Thông tin về trẻ em
Fukuoka
ふくおか子ども情報
<https://kodomo.city.fukuoka.lg.jp/vi/>

Hỗ trợ 5 ngôn ngữ
言語対応

Đây là trang web tổng hợp thông tin hỗ trợ nuôi dạy con cái tại Fukuoka. Trang web có đầy đủ nội dung thông hữu ích cho việc nuôi dạy con cái, chẳng hạn như địa điểm vui chơi, thông tin sự kiện, câu hỏi thường gặp và chuyên mục về nuôi dạy con cái. Bạn có thể tìm kiếm các dịch vụ mà bạn có thể sử dụng theo mục đích hoặc giai đoạn nhất định trong cuộc sống.

福岡市の子育て支援情報を集約したウェブサイト。お出かけスポットやイベント情報、子育てに関するQ&A、コラムなど、子育てに役立つ情報コンテンツが充実しています。目的やライフステージごとに利用できるサービスを検索することができます。

THEME 5

Về y tế 医療について



Tìm kiếm bệnh viện 病院をさがす

Hỗ trợ 20 ngôn ngữ | 24 giờ
言語対応 | 時間

Tổng đài phiên dịch y tế thành phố Fukuoka
福岡市医療通訳コールセンター

092-733-5429 **Miễn phí**

Supported by 福岡市
FUKUOKA CITY

Bạn có thể sử dụng dịch vụ phiên dịch qua điện thoại trong các trường hợp sau:

- Khi tìm bệnh viện
- Khi nói chuyện với bác sĩ tại bệnh viện
- Khi nhận thuốc từ bệnh viện hoặc nhà thuốc

次のようなときに電話通訳が利用できます。

- 病院を探すとき
- 病院で医者と話するとき
- 病院や薬局から薬をもらうとき

Chú ý
注意!!

119

Khi không thể tự mình đi đến bệnh viện,
thì hãy gọi xe cấp cứu!

自分で病院に行くことができないときは、救急車を呼んでください。



Bảo hiểm y tế 医療保険について



Quét mã QR này để biết thêm về "bảo hiểm y tế".

Những người sống tại Nhật Bản cần tham gia "bảo hiểm y tế". Nếu tham gia bảo hiểm, chi phí y tế sẽ rẻ hơn, nếu không tham gia thì chi phí sẽ cao hơn.

このQRコードを読み込むと「医療保険」について知ることができます。日本に住む人は、「医療保険」に入る必要があります。保険に入っている場合は医療費が安くなり、入っていない場合は高くなります。

<https://www.city.fukuoka.lg.jp/soki/kokusai/eisgham/ryyau.tuukem.html>

THEME 6

Chuẩn bị sẵn sàng cho thiên tai 災害に備える

1 Nơi lánh nạn là gì? 避難所とは?

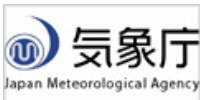
Là nơi để đi tránh nạn khi việc ở nhà trở nên nguy hiểm, hay khi không thể sinh hoạt được ở nhà do thiên tai. Nhà văn hóa công cộng, trường tiểu học, v.v... sẽ là các nơi lánh nạn.

台風・大雨や地震により、家にいると危ないときや、家で生活できなくなったときに逃げるところです。公民館や小学校などが避難所になります。



2 Cách kiểm tra thông tin thiên tai 災害情報の確認方法

Cơ quan Khí tượng 気象庁



Biết thông tin về mưa lớn và bão trên trang chủ của Cục khí tượng. 気象庁のホームページで、台風や大雨の情報を知ることができます。

<https://www.data.jma.go.jp/multi/index.html?lang=vn>

Cẩm nang phòng chống thiên tai dành cho người nước ngoài 外国人のための防災ハンドブック



Nếu muốn tìm hiểu thêm, bạn có thể tải tài liệu từ trang này. もっと詳しく知りたい人は、このページからも資料をダウンロードできます。

<https://www.pref.fukuoka.lg.jp/contents/bousaihandbook-36.html>

Sở Phòng cháy chữa cháy Thành phố Fukuoka 福岡市消防局



Bạn sẽ biết được cách hành động khi xảy ra động đất, hỏa hoạn hoặc khi đột ngột mắc bệnh.

地震や火事、急な病気のために、どう行動すればよいかを知ることができます。

<https://www.city.fukuoka.lg.jp/syobo/ff.html>

Thành phố Fukuoka 福岡市

Thông tin mới nhất về thiên tai 災害最新情報



Đây là trang web cho bạn biết các thông tin mới nhất về các địa điểm nguy hiểm và nơi sơ tán an toàn khi có thiên tai lớn xảy ra.

大きな災害が起こったときに、危険な場所や、安全な避難所の最新情報を知ることができます。

<https://www.city.fukuoka.lg.jp/soki/kokusai/shisei/disasterprevention/disasterinformationv.html>

Về phòng chống thiên tai 防災について



Tại Nhật Bản, thiên tai như động đất, bão và mưa lớn, v.v. thường xuyên xảy ra. Trang web này giúp bạn biết cần chuẩn bị gì để đối phó với thiên tai.

日本では、地震や台風、大雨などの災害がよく起こります。災害に備えてどんな準備をすればよいかを知ることができるページです。

https://www.city.fukuoka.lg.jp/bousai/bousaiforeigner_4.html

Tập hợp các liên kết hữu ích 役立つリンク集



Giới thiệu các ứng dụng và trang web có thể sử dụng ngay lập tức khi thiên tai xảy ra.

災害が起こったときに、すぐに使えるアプリやウェブサイトを紹介しています。

<https://www.city.fukuoka.lg.jp/soki/kokusai/shisei/disasterprevention/linksdisaster.html>

3 Nơi trao đổi khi có thiên tai 災害時の相談先

Khi xảy ra thiên tai lớn, trung tâm hỗ trợ thông tin cho người nước ngoài khi có thiên tai của thành phố Fukuoka sẽ được thiết lập tại Quỹ giao lưu quốc tế Fukuoka Yokatopia. Hãy liên lạc nếu không biết về tình hình thiên tai hay việc lánh nạn.

大きな災害が起こったときには、福岡よかトピア国際交流財団に福岡市災害時外国人情報支援センターを設置します。災害情報や避難について分からないことがあったら、連絡してください。



https://www.fcif-or.jp.translate.goog/about/fcdicir/?_x_tr_sl=ja&_x_tr_tl=vi&_x_tr_hl=ja

☎ 24 ngôn ngữ
Hỗ trợ 24 言語対応

Tư vấn qua điện thoại dành cho người nước ngoài khi có thiên tai ở thành phố Fukuoka

福岡市災害時外国人情報支援センター

092-262-1799

Supported by 福岡市 FUKUOKA CITY 福岡よかトピア国際交流財団 Fukuoka City International Foundation

THEME 7

Sinh sống cùng với khu vực 地域とともに暮らす

1 Hãy thử tham gia vào các hoạt động của hội cư dân! 自治会の活動に参加してみましょう!

- ◎ "Hội cư dân" là tổ chức cư dân gần với bạn nhất
- ◎ Hội tổ chức rất nhiều các sự kiện vui vẻ. Các bạn hãy tham gia vào các hoạt động, để quen mặt với các cư dân sống trong khu vực, tạo dựng mối quan hệ giúp đỡ lẫn nhau khi gặp khó khăn như khi có thiên tai, v.v.
- ◎ Hội cư dân hoạt động bằng hội phí, v.v. từ các thành viên là cư dân của khu vực
- ◎ 「自治会」とは一番身近な自治組織です。
- ◎ 楽しいイベントをたくさん実施しています。参加して、住民と顔見知りになることで、災害など困ったときに助け合える関係を作りましょう。
- ◎ 自治会は、住民の皆さんの会費などで活動しています。



ang cộng đồng khu vực
ia thành phố Fukuoka
岡市地域コミュニティサイト
<https://fukucomi.city.fukuoka.lg.jp/en>

**Hội phí được sử dụng vào các lễ hội,
hoạt động phòng chống tội phạm,
hoạt động vệ sinh**

会費は、祭りや防犯活動、清掃活動などに使われています。



Cách tham gia hội cư dân

自治会に参加する方法

Hội phí được sử dụng cho việc lắp đặt và quản lý thiết bị an ninh, v.v., các hoạt động khác nhau như hoạt động vệ sinh, v.v.
Số tiền và cách sử dụng hội phí khác nhau tùy theo tổ chức ở từng khu vực.

会費は、防犯灯の設置・管理、清掃活動など、様々な活動に使われています。
会費の額と使途は、各地域の団体によって異なります。

**Nếu bạn muốn tham gia, vui lòng trao đổi với ban hỗ trợ
khu vực của từng quận qua số điện thoại bên dưới.**

ご加入いただける場合は、下記の電話番号から各区地域支援課へご相談ください。

092-753-6113



2 Nhà văn hóa công cộng là gì? 公民館とは?

Ở thành phố Fukuoka, mỗi khu vực cấp tiểu học sẽ có một nhà văn hóa công cộng để các cư dân tập trung, giao lưu và tổ chức các hoạt động trong khu vực, cũng như rất nhiều các lớp học khác nhau.

福岡市には小学校区ごとに住民が集まり交流するための公民館があります。
地域のイベントや様々なことが学べる講座が行われています。



Để xây dựng mối quan hệ tốt 地域の人たちと良好な関係を築くためには?

Quy tắc ứng xử tại Nhật Bản 日本のマナー

Người Nhật rất coi trọng việc quan tâm đến người khác. Đây là tinh thần "Nghĩ cho nhau".

- ◎ Hãy chú ý đến âm lượng khi nói chuyện hoặc nghe nhạc, nhất là vào ban đêm cần tránh gây âm thanh lớn và hãy nói nhỏ.
- ◎ Tại những nơi công cộng (như vỉa hè, v.v.), hãy cố gắng không làm phiền người khác.

日本人は相手に対する心配りを大事にしてきました。「おもいやり」の精神です。

- ◎ 会話や音楽の音量に注意を払い、特に夜は、大きな音を出さず、小さい声で話しましょう。
- ◎ みんなが使う場所(歩道など)では、他の人のじゃまにならないようにしましょう。



THEME 8

Học tiếng Nhật 日本語を学ぶ



Bản đồ lớp học tiếng Nhật にほんご Class Map

Trong thành phố Fukuoka có rất nhiều lớp học tiếng Nhật do các tình nguyện viên tổ chức. Hãy tìm kiếm lớp học tiếng Nhật gần bạn bằng "Bản đồ lớp học tiếng Nhật". Hãy thoải mái học thử nhé!

福岡市には、ボランティアが開催する日本語教室がたくさんあります。「にほんご Class Map」で近くの日本語教室を探してください。気軽に受講してみてください！



<https://www.fcif.or.jp/language/japanese-language-class/>

Cuộc sống được kết nối và mở rộng hơn với tiếng Nhật つながる ひろがる にほんごでのくらし

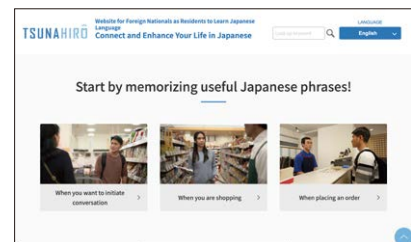
Trang web này giúp người nước ngoài sinh sống tại Nhật Bản có thể học tiếng Nhật với mục đích giao tiếp và sinh sống bằng tiếng Nhật. Có thể chọn nội dung học tập tùy theo trình độ tiếng Nhật phù hợp với bản thân, theo tình huống muốn học hoặc từ khóa. Hãy học tiếng Nhật và sử dụng trong thực tế để kết nối với xã hội và mở rộng cuộc sống.

このサイトでは、日本で生活する外国人の皆さんが、日本語でコミュニケーションをとったり、生活できるようになったりすることを目指して、日本語を学習することができます。自分に合った日本語のレベルや、学習したいシーン、キーワードに応じて学習コンテンツを選択することができます。日本語を勉強し実際に使うことを通じて、社会とつながり、生活をひろげてみましょう。

TSUNAHIRO



https://tsunagarujp.mext.go.jp/?lang_id=VI



Đào tạo tiếng Nhật tại thành phố Fukuoka 福岡市の日本語指導

Một số trường tiểu học và trung học cơ sở tại Fukuoka có tổ chức lớp học để các trẻ em cần học tiếng Nhật có thể học tiếng Nhật. Các trẻ không theo học tại trường đó cũng có thể được hướng dẫn tiếng Nhật bằng cách đến trường. Đối tượng là học sinh cấp tiểu học và trung học cơ sở công lập tại Fukuoka. Bạn hãy nhờ người hiểu tiếng Nhật đọc thông tin bên phải và nếu có thắc mắc, hãy liên hệ đến số điện thoại bên dưới để được tư vấn.

一部の福岡市の小学校・中学校では、日本語の勉強が必要な子どもが日本語を勉強することができる授業を行っています。その学校に在籍していない子どももその学校に通って日本語指導を受けることができます。福岡市内の公立小中学校に通う児童生徒が対象です。日本語がわかる方に右の情報を読んでもらい、聞きたいことがあるときは、下の連絡先に電話で相談してください。

<福岡市の日本語教育のながれ>

※ 相談料や授業料は必要ありません。

①転入手続き

まずは学校にて転入手続きをしていただきます。

②面談

在籍学校に、日本語サポートセンターのコーディネーターが訪問し、面談します。

面談は、保護者同伴で行い、お子様の日本語の力を把握します。

※ 日本語が話せない保護者の方は、できれば日本語のわかる人の同伴をお願いします。

③日本語指導

お子様に合った内容と方法で日本語指導を行います。

・お子様は、多くの時間、在籍学級で日本語による授業を受けます。

・週に数時間程度、日本語指導担当教員や日本語指導員による日本語指導を受けます。

※日本語指導を受けるときは、在籍学校から日本語指導担当教員がいる学校へ通級することを基本としています。

※日本語指導教員がいる学校は、福岡市教育委員会ホームページでご覧いただけます。

<http://www.city.fukuoka.lg.jp/kyoiku-iinkai/shido/ed/nihongosapota.html>

<日本語指導の内容>

①初期指導

サバイバル日本語 → 安全で安心な学校生活に適應するための日本語

日本語基礎 → 「聞く」「話す」「読む」「書く」の基礎

②日本語と教科の統合学習指導

→ 日本語基礎をもとに、教科特有の言葉や知識、思考力を習得し、日本語による授業理解を助ける指導を行います。

Ban Kế hoạch Trường học, Phòng Chỉ đạo,
Ủy ban Giáo dục Thành phố Fukuoka
福岡市教育委員会 指導部 学校企画課

1-8-1 Tenjin Quận Chuō Thành phố Fukuoka
福岡市中央区天神1丁目8-1
Tel:092-711-4638 fax:092-733-5780
E-mail:gakkokikaku2.BES@city.fukuoka.lg.jp

Chỉ hỗ trợ
tiếng Nhật

日本語のみ
対応可

Transportation and administrative hub

行政や交通の拠点



Fukuoka City Hall
〒810-8620 1-8-1 Tenjin, Chuo Ward, Fukuoka-shi Opening hours: 8:45-18:00
Multilingual support line for all ward offices Tel: 092-753-6113
福岡市役所 〒810-8620 福岡市中央区天神1丁目8番1号
市役所開庁時間: 午前8時45分～午後6時 多言語サポートライン: 092-753-6113